

Thông báo

Chúng tôi sẽ áp dụng Quy định hợp đồng công quận Suginami cho công việc của bạn.

Nếu bạn cho rằng tiền lương của mình thấp hơn mức tiền công tối thiểu dưới đây, bạn có thể kiến nghị với quận Suginami hoặc bên nhận thầu, v.v...

(Theo như Quy định này, số tiền lương tối thiểu được gọi là mức tiền công tối thiểu.)

Phạm vi người lao động được áp dụng

Người lao động được thuê bởi bên nhận thầu, v.v... và chủ yếu chỉ làm công việc liên quan đến hợp đồng công

(Bao gồm cả người lao động của nhà thầu phụ/bên nhận ủy thác lại, thợ cả)

Mức tiền công tối thiểu

< Trường hợp thi công công trình >

Là số tiền thu được sau khi lấy đơn giá nhân công thiết kế công trình công cộng nhân với 90% rồi quy đổi thành đơn giá theo giờ

1,619 yên/giờ đối với học việc, làm nghề, v.v...

< Trường hợp ủy thác công việc và thỏa thuận quản lý theo chỉ định >

1,400 yên/giờ

< Thông tin liên hệ trong trường hợp có kiến nghị >

○ Suginami

03 — 5307 — 0612

○ Nhà thầu chính / Chủ sử dụng lao động

— —

- ※ Bạn sẽ không phải chịu bất kỳ sự đối xử bất lợi nào khi thực hiện kiến nghị.
- ※ Đối với người lao động của nhà thầu phụ và bên nhận ủy thác lại, nếu tiền lương được chi trả thấp hơn mức tiền công tối thiểu và không được điều chỉnh lại, thì theo quy định, bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm liên đới và phải trả tiền lương cho người lao động.

Là số tiền thu được sau khi lấy đơn giá nhân công thiết kế công trình công cộng nhân với 90% rồi quy đổi thành đơn giá theo giờ							
1	Công nhân đặc biệt	3,364	yên/giờ	27	Thuyền viên bình thường	3,465	yên/giờ
2	Công nhân bình thường	3,015	yên/giờ	28	Thợ lặn	5,614	yên/giờ
3	Công nhân hạng nhẹ	2,082	yên/giờ	29	Người liên lạc với thợ lặn	4,107	yên/giờ
4	Công nhân thi công cảnh quan	3,049	yên/giờ	30	Người vận hành cung cấp khí lặn	3,983	yên/giờ
5	Công nhân thi công công trình dốc	3,758	yên/giờ	31	Công nhân thi công chống xói mòn rừng	3,612	yên/giờ
6	Công nhân làm việc trên giàn giáo	3,702	yên/giờ	32	Công nhân đường sắt	6,458	yên/giờ
7	Công nhân thợ xây đá	3,690	yên/giờ	33	Công nhân thi công ván khuôn	3,567	yên/giờ
8	Công nhân thi công gạch khối	3,432	yên/giờ	34	Thợ mộc	3,420	yên/giờ
9	Thợ điện	3,668	yên/giờ	35	Thợ trát vữa	3,713	yên/giờ
10	Công nhân thi công cốt thép	3,668	yên/giờ	36	Thợ sửa chữa đường ống nước	3,218	yên/giờ
11	Công nhân thi công khung thép	3,330	yên/giờ	37	Công nhân phá dỡ	3,387	yên/giờ
12	Thợ sơn	3,882	yên/giờ	38	Công nhân gia công chống thấm	4,062	yên/giờ
13	Thợ hàn	4,163	yên/giờ	39	Công nhân gia công kim loại tấm	3,848	yên/giờ
14	Tài xế (xe đặc biệt)	3,432	yên/giờ	40	Thợ ốp lát gạch	3,049	yên/giờ
15	Tài xế (xe thông thường)	2,858	yên/giờ	41	Thợ lắp đặt khung kết cấu	3,612	yên/giờ
16	Công nhân thi công công trình ngầm	4,163	yên/giờ	42	Thợ lợp mái	3,814	yên/giờ
17	Người quản lý thi công công trình ngầm	4,984	yên/giờ	43	Công nhân nội thất	3,713	yên/giờ
18	Công nhân khoan cắt đá	4,455	yên/giờ	44	Thợ kính	3,555	yên/giờ
19	Chuyên viên thi công đường hầm	4,028	yên/giờ	45	Công nhân lắp đặt đồ gỗ	3,205	yên/giờ
20	Công nhân thi công đường hầm	3,488	yên/giờ	46	Công nhân thi công hệ thống ống dẫn	3,330	yên/giờ
21	Người quản lý thi công đường hầm	4,557	yên/giờ	47	Công nhân thi công cách nhiệt bảo ôn	3,117	yên/giờ
22	Chuyên viên thi công cầu	3,915	yên/giờ	48	Công nhân thi công bê tông khối	3,303	yên/giờ
23	Thợ sơn cầu	3,994	yên/giờ	49	Thợ máy thiết bị	3,150	yên/giờ
24	Người quản lý thi công cầu	4,568	yên/giờ	50	Người hướng dẫn giao thông A	2,273	yên/giờ
25	Người quản lý thi công công trình dân dụng	3,645	yên/giờ	51	Người hướng dẫn giao thông B	1,980	yên/giờ
26	Thuyền viên cấp cao	4,298	yên/giờ				